Qua Ô CỬA của Trần Hoài Thư, Nghĩ và Viết Về Thơ Chiến Tranh Miền Nam.

Phan Bá Thụy Dương

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

Qua Ô CỬA của Trần Hoài Thư, Nghĩ và Viết Về Thơ Chiến Tranh Miền Nam.

Phan Bá Thụy Dương

Qua Ô CỬA của Trần Hoài Thư,
Nghĩ và Viết Về Thơ Chiến Tranh Miền Nam.

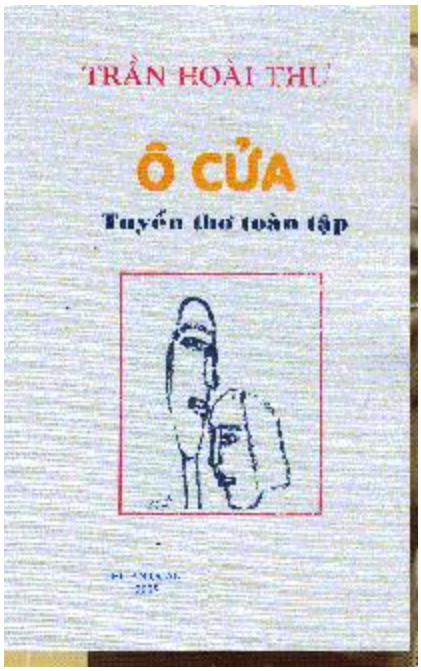

- *ảnh THT*

Herbert Hoover vị tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ đã nói: “Giới lãnh đạo già tuyên bố chiến tranh nhưng chính giới trẻ là người phải chiến đấu và chịu chết.” [1] Chiến tranh đã tạo nên không biết bao nhiêu cảnh ly tán, hủy diệt không biết bao nhiêu sinh mạng một cách oan uổng và làm kiệt quệ trầm trọng tài nguyên quốc gia. Nhưng, nếu nhìn từ một góc độ khác, chiến tranh cũng đã sản xuất, tạo nên nhiều vĩ nhân lừng danh trong quân sử, những văn thi sĩ lỗi lạc trong nền văn học sử thế giới.
Bài viết ngắn này không phải là một luận đề về thơ chiến tranh toàn cầu mà chỉ giới hạn trong thơ Chiến Tranh VN, trong giai đoạn tàn khốc nhất, từ thập niên 60 cho đến ngày miền Nam rơi vào tay chế độ Cộng Sản Hà Nội. Hạn hẹp hơn nữa, người viết chỉ muốn truyền đạt, giới thiệu đến bạn đọc một số cảm xúc, hình ảnh, tâm tư... của người lính chiến Trần Hoài Thư [THT] đã phản ảnh qua tác phẩm của anh: Ô Cửa.

Tuy nhiên, để có thêm hương vị, khải triển chủ đề rộng hơn đôi chút, người viết sẽ đề cập, dẫn trích thêm một số ít thơ về chiến tranh của các văn thi sĩ Việt, Mỹ khác - những người đã trực tiếp cùng THT tham dự cuộc chiến “ý thức hệ” trong giai đoạn đầy nhiễu nhương đó. Nếu thấy cần thiết, sau này người viết sẽ trở lại, bàn về đề tài sâu rộng hơn, với

nhiều thi sĩ tiêu biểu cho cả 2 miền Nam Bắc, cùng những khuynh hướng đối kháng hay quan điểm tương đồng.
Theo lời tác giả, Ô Cửa là một tổng hợp của 5 thi tập: *Thơ THT, Qua Sông Mùa Mận Chín, Tháng Bảy Hành Quân Xa, Ngày Vàng và Người Lính,* mà anh đã xuất bản trước đây - sau khi nhuận sắc, tuyển chọn lại. Tập thơ dày 380 trang, với 237 bài, in trên giấy đặc biệt, tranh bìa của Thân Trọng Minh, do Thư Ấn Quán của anh ấn hành. Bản đẹp, dành tặng thân hữu nên không thấy ghi giá bán.
Danh từ "thơ chiến tranh" kể từ Homer đã trở nên càng ngày càng phổ biến một cách rộng rãi, nhất là sau khi chiến cuộc VN kết thúc. Hiện nay các quốc gia đồng minh của VNCH và đã từng trực hay gián tiếp tham chiến trên lãnh địa VN, mỗi nước đều có rất nhiều cơ quan, thư viện... lưu trữ, quảng bá thi ca viết về cuộc chiến VN, được sáng tác bởi những cựu chiến binh của họ. Cho đến bao giờ thì thi ca về thể loại này của các tác giả miền Nam trước 75 mới được các tổ chức văn hóa, chính trị hải ngoại hay nội địa dành cho nó một vị trí nghiêm túc, sáng sủa hơn, để bảo tồn những ấn chứng quan trọng trong giai đoạn lịch sử đã qua, đã được khép lại?

1. Trực diện với chiến tranh, tiếp cận với tử thần

Bây giờ chúng ta hãy bước qua Ô Cửa, thử đi vào nội dung cuốn sách để xem người chiến binh này đã trình bày, muốn chuyển gởi những gì tới người đọc, qua những năm dài phục

vụ dưới cờ, trong thời tao loạn, nhiễu nhương:
Giòng sông phân tranh hai vùng thù nghịch. Đêm xuống đồi gặp con nước nổi. Súng đạn đưa khỏi đầu. Từng con một vượt sông. Rồi trước khi trèo ngọn Kỳ Sơn. Anh lạc trên cánh đồng trăng mênh mông. Không biết nơi nào là cõi dữ. Trên đôi vai anh nặng nề lịch sử. ("Đêm Vượt Sông," tr 5)
Từ giã giảng đường chật hẹp, nóng bức, người sinh viên mang đầy lý tưởng, hoài bão và mộng mơ ấy đã chấp nhận đi vào nơi thâm sâu cùng cốc, theo lời kêu gọi của núi sông. Ngoài trách nhiệm thi hành nghĩa vụ công dân, có thể anh còn coi việc đó như một lần đi thám hiểm, khai phá về những chân trời mới, quyến rũ hơn, để thưởng ngoạn thiên nhiên, giao lưu nhân thế, thử thách định mệnh:

Ở đây đèo ải ngăn sông lộ. Trăm đứa lên có mấy đứa về. Giày trận bám bùn mưa tối mặt. Mùa hè gió thổi bụi tê tê. Thanh niên ta bỏ miền trung thổ. Theo mảng mây trời trên bản xa. Núi dựng. Rừng bạt rừng. Lá mục. Phơi ngàn năm lạnh cắt xương da. Ta về ngơ ngác cơn sinh diệt. Ngỡ làm tên ẩn sĩ tìm trầm...(Về Với Núi, tr 55)

Cũng trong ý niệm chấp nhận khoác chinh y để bảo vệ quê hương, giữ gìn lãnh thổ, từng lớp, từng lớp lớp thế hệ tuổi trẻ đã đành bỏ cả tương lai, hoài bảo, rồi mang theo cuộc tình để tham dự vào cuộc chiến đấu gian lao, mà tự thân họ không có quyền lựa chọn, hoặc từ chối:

"...Vào giờ G ta ra mặt trận - nón sắt bần thần theo gót giày

sô - hiu hắt đường mưa tiến về âm phủ - vừa cảnh giác đời, vừa ủ chiêm bao - khẩu súng cạc bin chúi đầu xuống đất - như muốn nói gì với cánh Rừng Lăng -

Xuân Phổ bên kia chập chờn bóng địch - lập cập hồn ai, bèo vướng chân mày ? - nước lạnh môi khô lóe lên đóm nhớ - màu mắt bên màu hoa súng ngày xưa - ta vẫn yêu em, yêu toàn nhân loại - nên gắng khom lưng, tiến chiếm Xóm Dừa…" [Luân Hoán * Trên Đường Lững Thững Hành Quân, Đạn Thù Có lẽ Ngập Ngừng Tránh Ta]

để lãnh nhiệm vụ trấn thủ biên cương xa xăm, tiền đồn heo hút, dẫy đầy hiểm nguy, bất trắc. Vì chưng, họ đã lỡ sinh ra vào một giai đọan lịch sữ đen tối, vào thời buổi loạn ly, máu lửa với đạn bom và nước mắt:

"…Giặc cứ pháo xá gì cơn bão giạt - nón sắt che cho đỡ lạnh mái đầu - đêm nến thắp ánh hỏa châu hiu hắt - sinh nhật ai máu đỏ giữa canh thâu - đường truông núi hai mươi năm chất ngất - tuổi lang thang vào xương máu bàng hoàng - mai về phố với hồn chai lạnh ngắt - mua tình vui dồn trống chuỗi mênh mang - khúc chinh chiến đã từ lâu quên hát - vầng trăng treo mầu úa hướng mong chờ - mai xuống núi tiếp một ngày phiêu bạt - tìm lại mình đánh thức một cơn mơ" [Nguyễn Mạnh Trinh * Kontum Bài Thơ Cũ]

Có người tuy dấn thân, tham dự vào cuộc chinh chiến với thái độ thản nhiên, xem đó như là chuyện tai trời ách nước,

một trò tiêu khiển, nhưng chắc hẳn trong thâm tâm anh cũng khó thoát khỏi những ray rức, trăn trở hoặc suy tư, đau xót về thực trạng rợn người phơi bày trước mắt:
“Bốn bề sương muối bủa quanh - hỏa châu đỏ rực năm canh rợn người - ta về tham dự cuộc chơi - rượu cần, súng đạn với lời kêu thương.” [Huy Lực * Đêm Tiền Đồn Pleime]
Nghĩa vụ gìn giữ biên cương, lãnh thổ, quả là một gánh nặng luôn đè trên vai những chàng lính trận tiền phương. Từng hốc đá, cánh rừng, từng bờ sông, ngọn suối, từng chân núi, triền đồi mãi mãi là nơi hiểm địa, tử địa, dể dàng hủy diệt, cướp đi mạng sống của mình:
Một chút cay cay mà lòng buồn tủi. Buồn thì về đừng nán lại thằng em. Không sao cả lên đồi cao xuống vực. Đất mở rồi ở lại cũng buồn thêm... Cùng đứng lại hai chân nghiêm cúi mặt. Đây hàng quân đọc lại thiếu tên em. Người lính trẻ chưa đầy hai mươi tuổi. Nhớ thì về cốc rượu để phần em. (Viết Cho Thằng Em Cùng Trung Đội, tr 35.)
Nhớ thì về cốc rượu để phần em. Câu thơ chứa đầy trìu mến, thể hiện một thứ tình huynh đệ chi binh thắm thiết. Đó là lời của một người anh dành cho đứa em vắn số, chứ không phải loại ngôn từ của một cấp chỉ huy nói với kẻ trực thuộc. Thứ tình huynh đệ chi binh và sự trìu mến này, người ta cũng thấy hiện rõ nét trong thơ của Pete Agriostuthes dành cho người tiền sát viên tên Nam qua bài “He was a Chiêu Hồi”, hoặc qua thơ của Kevin Bowen, Steve Mason, Sarge Lincetum, Wilfred Owen, Walter McDonald... Đặc biệt là của Yusef Komunyakka, người đã chiếm Pulitzer Prize năm 94 với tuyển tập Neon Vernacular xuất bản năm 93, trong đó chứa

đựng phần lớn các bài của tập thơ mang tựa đề Việt ngữ “Điên Cái Đầu”, vốn đã phát hành từ năm 88.

Súng đạn vô tình nào biết né tránh ai. Khi một người chiến sĩ không may, vĩnh viễn nằm xuống thì người đời thường cho rằng anh ta đã vị quốc vong thân, là một người anh hùng, là kẻ đáng được tuyên dương, ca ngợi. Có đúng vậy không hay ta cần thử suy gẫm, xét nghiệm lại câu nói lừng danh, mang hơi hám, tư tưởng phản chiến dưới đây của "papa" tức văn hào Ernest Hemingway -người đoạt giải Nobel 54 về Văn học, khi ông phát biểu: “Ngày trước người ta nói rằng: Hy sinh cho quốc gia của mình là một hành động cao cả và xứng đáng. Nhưng trong cuộc chiến hiện đại không có gì là vẽ vang hay thích nghi khi anh mất đi. Anh sẽ chết như một con chó cho một lý do chẳng có gì là tốt đẹp.”[2]

Xin mời bạn đọc tiếp những vần thơ nóng bỏng, hồi hộp khác của chàng thám báo trẻ tuổi THT:

Băng đồng, băng đồng đêm hành quân. Người đi ngoi ngóp nước mênh mông. Về đây Bình Định ma thiêng lãnh. Mỗi địa danh rờn rợn oan hồn. Trung đội những thằng trai tứ chiến. Những thằng bỏ lại tuổi thanh xuân. Diều hâu bôi mặt hù ma quỉ. Thuở đất trời bày đặt nhiễu nhương. Đêm của âm binh về xứ khổ. Poncho phơ phất gió hờn oan. Trên vai cấp số hai lần đạn. Không một vì sao để chỉ đường. (Trung Đội, tr

31)

Những cảnh tượng bi tráng, nghiệt ngã như thế cũng thể hiện đầy dẩy trong thi ca của các chiến hữu đồng minh, như Marko Whiteley đã viết tại mật khu Hố Bò qua Lonely in the Reservoir, Thoughs of War..., như W.H McDonald viết ở Phú Lợi với “I Learned About War Last Night” hoặc Sarge Lintecum qua “Ambush” và nhất là bài thơ được phổ nhạc của ông, rất phổ cập, được mọi người ưa chuộng: " The Vietnam Blues".

Xin hãy đọc thêm những dòng diễn tả vừa chân thật, vừa ngộ nghĩnh, thanh thản của người “lính sửa” trong những ngày đầu nhận lãnh trách nhiệm dẫn dắt đơn vị:

Ta trở về giáp mặt chiến tranh. Đồi cháy lửa mặt trời nhuộm lửa. Thau rượu đế mừng ta thằng lính sửa. Dzô ông thầy hữu sự có thằng em. Trung đội ta về hai mươi mấy thằng con. Đứa gốc người Kinh, đứa Nùng, đứa Thượng... Trên đầu ta mũ rừng nhẹ hẫng. Trong túi ta một gói chuồn chuồn. Bắt tù binh mời điếu thuốc thơm. Để thấy miền Nam lính hiền ghê

gớm. (Ta Lính Miền Nam, tr 36)

Qua 2 câu cuối của bài thơ, ta có thể thấy rõ phong cách của người chiến binh miền Nam khi đối xử với tù binh, hàng binh, dù mới cách đó không lâu đồng đội của mình đã bị giết, bị thương. Cũng với tâm trạng, bản chất đó, ta thử đọc xem Tô Thùy Yên đã trò chuyện như thế nào với người tử sĩ bên kia chiến tuyến trong đoạn thơ dưới đây:

‘…Ở cõi âm nào người vốn không tin. Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa. Người cùng ta ai thật sự hy sinh. Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc...? Các việc người làm, Người tưởng chừng ghê gớm lắm. Các việc ta làm, Ta xét chẳng ra chi.” [Tô Thùy Yên * Chiều Trên Phá Tam Giang]

Hay những ngôn từ phóng khoáng, thân thiện, chứa chan hào khí, tình giang hồ của một quân nhân VNCH khác khi anh giáp mặt, trực diện đối phương:

“…Kẽ thù ta ơi, các ngài du kích - hãy tránh xa ra đừng chơi bắn nheo - hãy tránh xa ra ta xin xí điều - lúc này đây ta không thèm đánh giặc - thèm uống chai bia, thèm châm điếu thuốc - thèm ngọt ngào giọng hát em chim xanh - kẻ thù ta ơi, những đứa xâm mình - ăn muối đá và hăng say

chiến đấu - ta vốn hiền khô, ta là lính cậu - đi hành quân rượu đế vẫn mang theo - mang trong đầu những ý nghĩ trong veo - xem chiến cuộc như tai trời ách nước.

Ta bắn trúng ngươi vì ngươi bạc phước - vì căn phần ngươi xuôi khiến đó thôi - chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi - suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí - lũ chúng ta sống một đời vô vị - nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau - mượn trời đêm làm nơi đốt hỏa châu - những cột khói giả rồng thiêng uốn khúc - mượn bom đạn chơi trò pháo tết - và máu xương làm phân bón rừng hoang.” [Nguyễn Bắc Sơn * Chiến Tranh và Tôi]

Chiến tranh. Ôi chiến tranh. Người ta đã nhân danh nó để hủy diệt không biết bao nhiêu nguồn sinh lực sáng lạng của quê hương, triển vọng của tổ quốc. Người ta đã nhân danh nó để làm tan rã không biết bao nhiêu cuộc tình nồng thắm và mái ấm gia đình. Lòng không mang hận thù, họ là các chiến binh VNCH đi bảo vệ lãnh địa, cương thổ. Họ là những cán binh “quân đội nhân dân” bị tuyên truyền, xô đẩy, lôi cuốn vào tình huống bi thảm “sinh Bắc tử Nam” để giới chóp bu CS mau chóng thực hiện ý đồ cướp đất, xăm lăng miền Nam. Bản thân họ nào được gì ngoài những thua thiệt, mất mát:

“Em hỏi anh bao giờ trở lại - Xin trả lời mai mốt anh về - Không bằng chiến trận Pleime - Hay Đức Cơ - Đồng Xoài - Bình Giả - Anh trở về hàng cây nghiêng ngã - Anh trở về hòm gỗ cài hoa - Anh trở về bằng chiếc băng ca - Trên trực thăng sơn màu tang trắng - Mai trở về chiều hoang trốn nắng - Poncho buồn liệm kín hồn anh - Mai trở về bờ tóc em xanh - Vội vã chít khăn sô vĩnh biệt.

Mai anh về em sầu thê thiết - Kỷ vật đây viên đạn mầu đồng - Cho em làm kỷ niệm sang sông - Đời con gái một lần dang dở - Mai anh về trên đôi nạng gỗ - Bại tướng về làm gã cụt chân - Em ngại ngùng dạo phố mùa xuân - Bên người yêu tật nguyền chai đá - Thì thôi hãy nhìn nhau xa lạ - Em nhìn anh - ánh mắt chưa quen - Anh nhìn em - anh sẽ cố quên - Tình nghĩa cũ một lần trăn trối.” [Linh Phương * Kỷ Vật Cho Em]

trong một cuộc nội chiến tương tàn mà bản thân những chiến sĩ miền Nam có lúc phải phân vân, tự vấn, suy tư:

“…những thằng lính thời nay không mang thù hận - bạn hay thù chẳng có một lần ranh - thôi hãy uống. mọi chuyện bỏ lại sau - nếu có thể ta gầy thêm cuộc nhậu - bày làm chi trò chơi xương máu - để đôi bên nuôi mầm mống hận thù - ta chán lắm rồi ba chuyện ruồi bu - chỉ có bạn, có ta là người thua cuộc.

người yêu của bạn ở ngoài phương bắc - giờ này đang hối hả tránh bom - hay thẫn thờ dõi mắt vào Nam - để chờ người yêu mình trở thành liệt sĩ - rồi cũng sẽ quên, như bao điều suy nghĩ - tình yêu như một thứ điểm trang - che đi chút dối lòng, nhẹ bớt đi chút nhọc nhằn - uống với bạn hôm nay ta phải thật say - để không phải còn nhìn nhau hận thù ngun ngút.” [Phan Xuân Sinh * Uống Rượu Cùng Người Lính Bắc Phương]

Đọc những áng thơ hiền hòa, nhẹ nhàng kia, tôi tự nhiên như thấy lại bóng dáng của 2 người bạn gốc "cùi" là Vĩnh Nhi thủ khoa khóa 17, Hoàng Thọ Khương khóa 19 của trường Võ Bị Lâm Viên - Đà Lạt và người bạn trẻ yêu thơ Trần Phước Chí khóa 18 của đồi Tăng Nhơn Phú - Thủ Đức, hiển hiện về trước mắt.

Những chiến sĩ can trường thuộc Sư đoàn Phượng Hoàng này, khi bắt tù binh, họ luôn luôn cho đối phương ăn uống tử tế, mời mọc thuốc lá, rồi mới chuyển giao về hậu cứ. Họ không bao giờ cho sĩ quan an ninh đánh đập, dù đôi khi cần khai thác tin tức sơ khởi tại mặt trận. Rất tiếc, 3 chiến hữu tốt, hiền hòa này đều lần lượt ra đi, trước và sau biến động Tết Mậu Thân không lâu trước mắt tôi, trong những ngày tôi còn dấn thân, phục vụ tại khu chiến Tiền giang. Người viết, lúc đó, chẳng biết làm gì hơn ngoài việc viết bài chiêu niệm trên trang Văn Nghệ Quân Đội và mục Viết Cho Người Nằm Xuống để an ủi linh hồn người chết, và gia quyến họ.

Những biểu tượng đầy nhân bản tính trên đối với người khác giới tuyến của họ, cộng với sự thái độ, cảm nghỉ của THT, TTY, NBS, PXS... khiến tôi nhiều lần thấm thía tự thầm hỏi mình. Phải chăng những quân nhân này và còn nhiều, còn nhiều những anh em, chiến binh trong các quân binh chủng khác, đã luôn luôn mang theo trái tim loại “grand coeur” của d’Amacis, trên đường hành quân? Hay họ là những đệ tử ngoan của cụ Winston Churchill - vị anh hùng, nhà chính trị khét tiếng của thế kỷ 20, người đã được trao giải Nobel năm 53, vì họ luôn tuân thủ lời khuyên của ân sư: "Tác phong là một việc nhỏ, nhưng nó tạo nên những khác biệt lớn lao. Biểu lộ một chút lịch sự, tử tế cũng chẳng tốn kém, mất mát gì."[3]
Sau khi Sàigòn thất thủ, tôi thường nghe thiên hạ bảo nhau: Một trong những yếu tố quan trọng đưa đến việc mất nước là vì dân quân miền Nam đã quá hiền hòa và đối xử nhân đạo với kẻ thù. Những người cùng chung một tiếng nói bên kia lằn ranh giòng sông chia cắt, bên kia vĩ tuyến có phải là kẻ thù của chúng tôi không? Thật sự, chúng tôi có cần xem họ là kẻ thù không, sau khi cuộc đụng độ đã tàn, khói lửa đã nguội tắt, chỉ vì họ bị cưỡng bức làm những con chốt đáng thương, trong ván cờ tham vọng bành trướng chủ thuyết CS lỗi thời Mác-Lê-Mao?

Mời bạn đọc thử xem qua những hình ảnh đáng trách, để làm nản lòng người đang dấn thân ở các tuyến đầu. Tình

trạng tương phản tương ấy đã được phản ảnh dưới góc nhìn của tác giả Ô Cửa. Lời thơ tuy có man mác nỗi uất hận, phẩn nộ nhưng cũng đầy thương cảm, ngậm ngùi như một khúc bi ca:

Đất nước ta cường quốc bán buôn. Hậu phương ăn chơi biểu tình, đảo chánh. Lúc đồng đội ta chết lên chết xuống. Một đám ở nhà nhảy nhót thâu đêm. Lãnh chúa ta ăn trước ngồi trên. Hùng hổ lắm nhưng mạt hèn cũng lắm. Khóa của ta trên mấy trăm thằng tình nguyện. Đi Nhảy Dù, Thủy Bộ, Thám Báo "ác ôn". Đứng đợi cả ngày để bắt lá thăm. Toàn thứ dữ mà vui như chợ Tết. Có đứa mang bằng kỹ sư về nước. Chọn Cọp Ba Đầu Rằn làm lính tiền phong. Ta lính miền Nam hề vận nước ngửa nghiêng. Ta cũng lênh đênh cùng cơn mạt kiếp. Ta trèo lên cây hỏi rừng có biết. Có người lính nào bi tráng hơn lính miền Nam? (Ta Lính Miền Nam, tr 36)

Giữa lúc vận nước lâm nguy như thế thì dường như một số giới lãnh đạo chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng tư, một số người hậu tuyến chỉ lo hưởng thụ, phó mặc việc giải trừ, giải tỏa áp lực dồn dập của Bắc phương trong tay những quân nhân thiếu kém quyền lực, tiền bạc, lúc nào cũng đứng trước đầu sóng ngọn gió, ồ ập vũ bão.

Trong lúc người lính chiến VNCH đang trực diện với sự sống chết để bảo vệ lãnh địa thì đồng minh của anh ta đã đóng vai trò gì trong việc ngăn chống sự xâm nhập, mưu đồ thôn tính của giới lãnh tụ Hà Nội, với sự trợ giúp không ngừng của các nước CS đàn anh Nga, Tàu? Hãy thử nhìn qua bối cảnh,

hoạt động hằng ngày của những người lính chiến Mỹ từ những dòng thơ mang đầy tử khí của Marko Whiteley thuộc Tiểu Đoàn 1/TQLC trong "Thoughs of War":

“Cuộc chiến đấu thật khốc liệt khi lâm vào trận phục kích. Sự sôi nổi rồi cũng tan biến đi trong những ánh mắt sáng ngời. Lúc này chẳng phải riêng gì đối phương mà cả anh cũng mất mạng. Màn đêm đã sắp buông, đó là lúc thuận lợi cho địch quân. Họ biết rằng địa thế không thể nhìn rõ ràng về đêm. Qua màn đen của đêm sâu thăm thẳm. Kẻ bị thương thì rên rỉ, người còn lại thì tiếp tục đánh nhau. Tâm trí khởi sự báo trước một nỗi kinh hoàng”.[4]

Những tình cảnh đó có khác xa bao nhiêu trong "Đêm Đột Kích ở Nho Lâm" (trang 42), "Đêm Đột Kích" (trang 157), hay "Những Ngày Quân Về Những Ngày Quân Đi" (trang 168). Hay thử nhìn sang tâm trạng phân vân của người "Đánh Núi" trong hoàn cảnh, tình huống tiến thối lưỡng nan:

Tiến lên lại sợ phục. Rút về sợ lột lon. Hét hoài cổ họng khan. Chỉ mình ta lãnh đủ. Đi lên dao mở lối. Gai xước rách thịt da. Đau quá tức chửi cha. Những thằng già ngoài Bắc. (Đánh Núi, tr 147)

Qua bao lần đụng trận, đánh nhau ác liệt như thế, có mấy ai tránh khỏi viên đạn vô tình thoát đi từ nòng súng của người bên kia? Cho nên THT - cây sậy mỏng manh trước những cơn bão tố của chiến trường, cũng đã hơn một lần bị đổ máu, dập vùi, lưu dấu các vết tích đạn thù trên thân thể còm cỏi:

Viên đạn đồng đã cắt thịt tôi. Tôi đau quá mà em không xót. Khi tôi biết mình vừa thoát chết. Tôi cuống cuồng sợ hãi

thành điên. Lần bị thương đầu tôi vẫn anh hùng rơm. Lần bị thứ hai tôi nằm thin thít. Tôi đang ở phòng trần gian hậu chiến. Đêm cứ trôi hoài từng giọt hồi sinh. Tôi ước đến điên cuồng một giọt lệ em. (Trong Phòng Cấp Cứu, tr 311)

Tuy có áy náy, lo sợ, nhưng sau 3 lần bị thương với những ngày phép dưỡng bệnh ngắn ngủi sau khi xuất viện, người lính thám báo THT vẫn thản nhiên trở về với cương vị của một người chiến binh, tiếp tục hiến thân phục vụ dưới cờ cho đến ngày nước mất, quân tan.

2. Ghi nhận về chiến tranh qua những ngày dưỡng quân, những giờ chuyển quân

Cuộc sống của người lính trận luôn gắn liền với những lần di chuyển bất ngờ, bất định. Có khi chuyển quân ra trận mạc. Cũng có được điều động tới các địa điểm gần chiến trường để làm nút chặn, làm lực lượng trừ bị, sẵn sàng tiếp ứng cho những đơn vị cơ động đang giao tranh. Vì để bảo toàn tối đa bí mật quân sự, cho nên đôi lúc nhiều cấp chỉ huy đơn vị nhỏ chỉ nhận được lệnh hay sơ đồ hành quân vào phút chót, trước giờ xuất phát, di quân. Những vần thơ sau đây đã thể hiện đầy đủ vai trò và thân phận nghiệt ngã của các chiến sĩ tiền phương đó:

Những lần chuyển quân dù chẳng biết về đâu. Nhưng chúng tôi biết những gì chờ đợi sẵn. Như thể khi viên đạn đồng trong lòng cơ bẩm. Xẹt ra khỏi nòng rồi kiến cắn tê mê. Chỉ khi nào anh cảm nhận đau tê. Có nghĩa là anh biết mình vẫn còn sống sót. Anh hãnh diện là đã đi về phía trước. Là máu

hồng anh đã đổ xuống tặng em. Và khi anh trở về ôm lấy vết thương. Anh mới biết đời vô cùng độ lượng. (Người Lính Trở Về Với Chiến Trường, tr 7)

Ta hãy xem thêm thi sĩ họ Trần đã ghi nhận lại những mất mát nào qua "Chia Tặng Chung Nhau" (trang 128), hay trong những hình ảnh máu lửa tiêu biểu của chiến trường mà anh vẽ lại dưới đây - máu lửa, bom đạn, tiếng kêu đau thương, tuyệt vọng:

Xin trả lại bên trời vầng trăng đỏ máu. Và tiếng dội ầm ầm của đám trực thăng. Và cả một biển rừng lửa bốc xung quanh. Và sườn lũng cháy đen thành than củi. Người lính cũ mắt nhìn trong bóng tối. Nghe văng vẳng bên mình lời rên rỉ: Cứu em. (Xin Trả Lại, tr 11)

để từ đó anh bồi hồi, ngậm ngùi trước những hoang phế, điêu linh rồi nghi vấn, suy tư về thân phận mình và kiếp người...:

Mặt trận đổ theo bìa Đệ Đức. Nghe cận kề lửa hướng Tam Quan. Bồng Sơn mây ám toàn tin dữ. Chiều chưa buông quận đóng năm giờ. Giặc chiếm cận sơn người chạy loạn. Còn bên cầu trơ trọi cây đa. Cây đa có mặt khi nào nhỉ. Có phải nơi này là quê hương. Có phải mỗi con người trôi dạt. Cất trong tim bóng mát thiên đường. Cây đa vươn giữa trời bi lụy. Những thổ thần hoang lạnh lư nhang. Lửa cháy Trường Lưu đò đã chặn. Chị ra sông ơi ới đoạn trường. (Cây Đa Bên Cầu, tr 20)

Địch tan, chiếm lại đất đai chưa kịp vui mừng thì người lính trận lại phải đương đầu, đối diện trước những bức tranh

mang đầy dấu vết hoang tàn, đổ nát, trước “những điều trông thấy mà đau đớn lòng”:
Ta đã về dành lại quê hương. Dành lại quận đường hoang tàn đổ nát. Dành lại ngôi trường lời ca tiếng hát. Ta đã về nhìn bầy chim cút côi. Nhưng ta lại không dành được em gái ta yêu. Chúng ủ rũ như lòng ta ủ rũ. Lũ bé quì bên xác người cô trẻ. Đặt chùm hoa mếu máo gọi cô về... Em bé quê ơi cho ta một nhánh bông. Một nhánh bông quì vàng như màu áo. Ta đặt tên em. Trống trường ảo não. Như những hồi mặc niệm em tôi. Ta đã về và đã trễ em ơi. (Đêm Tiếp Cứu Chợ Huyện, tr.28)
"Ta đã về và đã trễ em ơi". Câu thơ như một tiếng kêu thống thiết, chứa chan huyết lệ, thể hiện tình quân dân cá nước.

Một hình ảnh thê lương khác đã được Anh Thuần - người phóng viên chiến trường gan lì của Cục Tâm Lý Chiến và Đài Phát Thanh Quân Đội, đã phát họa lại đậm nét khi anh đang bám trụ trên "quốc lộ máu" năm 72 để ghi nhận, tường thuật về tin tức chiến sự:
“Em về đâu, hỡi người em lạc lõng - chiều đã buông và mây đã giăng mờ - trong lửa đạn máu tanh thời chiến loạn - còn mong gì tìm được chốn an cư.” [Anh Thuần * Chiều Chiến Loạn]

Sống ở, thác về. Người lính trận miền xa nào mà chẳng ý thức được số phận mỏng manh của mình. Bởi vì, người xưa đã trải nghiệm rồi truyền lại: “cỗ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”, thì sự mất còn đối với họ cũng chỉ như lẽ tan-tụ tất yếu

của mây nổi, của hoa biển. Trong lòng kẻ trấn thủ lưu đồn - lúc nghĩ ngơi, có chăng là nỗi nhớ nhung về những con đường tình đã qua và hoài niệm về sự mất mát của bạn bè, đồng đội:

“Nằm đây thương những con đường - kể em nghe chuyện chiến trường được chưa - lòng anh thơ dại bóng cờ - ngủ yên đâu dám định giờ xuất quân - đã lâu võ nghiệp quen dần - thấy người đi cũng ân cần muốn đi - hỏi người: ai chết đêm khuya - bảo: không, ngựa lạc đường về cõi xưa.” [Hoàng Lộc * Đêm Đóng Quân Ở Định Quán]

Cùng những ngỡ ngàng của thi nhân Trần Tuấn Kiệt, người đã chiếm giải nhất về thơ của Tổng Thống năm 71, qua các cảnh tượng ảm đạm của những ngày biến loạn xảy ra ngay tại các vùng ven đô của Saigon đầu Xuân Mậu Thân 68:
“...Ra nhìn khói lửa đạn bay - khói lên từng cụm đạn cày mênh mông - qua đêm ngủ giấc say nồng - tĩnh ra bốn phía chập chùng núi non - trời xa mây bạc vô cùng - sao ta nằm ngủ giữa vùng máu xương.” [Trần Tuấn Kiệt * Tết Mậu Thân Nhậu Với Bùi Giáng]
THT tuy là người chiến sĩ dạn dày phong sương, nhưng lời thơ của anh lại rất nhẹ nhàng thi vị, man mác tâm tình của một nghệ sĩ yêu người, yêu đời và yêu quê hương sâu sắc, đậm đà:
Tôi về đây. Tôi đã trở về đây. Đồi xưa tôi gọi đồi không hay. Ai đi bỏ lại hoàng hôn lạnh. Đỏ ối đồi xưa ôm lấy mây... Có ai như thể người binh Thượng. Ngồi khom trên bờ đá thổi kèn.

Hôm qua có những hồn ma lẻ. Lạc tìm về buôn bản cao nguyên. Có ai dưới lớp mồ hoang dã. Nằm xuỗi chân mắt mở trợn trừng. Chiều nay sao mọc về phương Bắc. Sao ruột lòng vứt bỏ phương Nam. Cỏ tranh lớp lớp che đường dốc. Phòng tuyến buồn hiu nhuộm nắng chiều. Trận đánh cũng đi vào quên lãng. Sao còn rờn rợn những hồn xiêu. (Đồi Xưa, tr 43)

Cảnh tượng nào sau chiến trận mà không thê thảm. Không có chiến trận nào mà không có người phải hy sinh? Ngay cả những chiến sĩ đồng minh sang phụ giúp chúng ta - để chống sự xâm lược, dành dân chiếm đất của Việt Cộng vào lãnh thổ VNCH, cũng không tránh khỏi rơi vào tuyệt lộ bi thương nói trên. Xin hãy đọc thử bài thơ “As The Sun Sets In The Dark Sky” của Guy L. Jones thuộc tiểu đoàn 43 Truyền Tin. Người lính chiến Hoa kỳ này đã nghe thấy, cảm nhận gì trong cảnh "hồn tử sĩ gió ù ù thổi," trong cảnh tịch mịch dưới màn đen, trời mờ Pleiku:

“…Khi ánh thái dương chìm khuất trong bầu trời u ám, tôi nghe âm thanh của những người lính chiến đang đi đều bước và kêu gọi nhau từ một khoảng xa. Tôi nghe họ bảo rằng đừng nhỏ lệ vì họ, bởi những nỗi đau đớn của họ giờ đã tan biến cả rồi và hiện giờ họ đang đi về với Thượng đế trong cảnh an bình vĩnh cữu.
Khi ánh mặt trời lan dần về phía chân trời, hình ảnh của những người di hành đó đã vượt khỏi tầm mắt của tôi, nhưng không phải là những lời trối trăn mà họ đã nói, vì

những di ngôn của từng mỗi người đó tôi vẫn ghi giữ mãi trong tiềm thức.
Tôi đã thì thầm đáp lại cho cho họ biết là tôi sẽ thông truyền những lời trối trăn ấy tới mọi người, cho bất cứ những ai muốn nghe di ngôn của họ do tôi tường thuật lại. Công việc này tôi xin hứa với tất cả các anh, tôi sẽ làm mãi mãi khi mà tôi vẫn còn sinh tồn. Xin chào vĩnh biệt các chiến hữu, xin chào”[5]
Nhà toán học, nhà tư tưởng siêu quần Blaise Pascal đã từng ví von nhận định rằng: “Con người là một cây sậy, loại mềm yếu nhất trong vạn vật, nhưng là một cây sậy biết tư duy” [6]. Thân phận người chiến binh ngoài tuyến đầu dỉ nhiên mong manh, nhưng là người biết suy tưởng, có tình cảm, thì dù ở trong cảnh trạng khói lửa đạn bay đi nữa, mấy ai tránh khỏi nỗi niềm mơ ước. Mơ ước, hoài vọng về một viễn ảnh sớm chấm dứt chiến tranh, đất nước sớm an bình:

“…giọt máu trên ngọn cỏ mềm - của ai không biết nằm im như tờ - đằng xa sau lớp bụi mờ - mới nhìn tôi tưởng con cờ thí thân - toán tôi vừa tới bìa rừng - đã nghe đạn nổ muốn bưng cái đầu - rạp mình xuống đất nâu nâu - mặt tôi chạm nắm cỏ khâu xanh rì.

ừ thì chú cũng như tôi - cũng khiêng sông núi trên đôi vai mình - mong cho đất nước thanh bình - chớ ai mong cảnh chiến tranh bao giờ - ừ thì anh cũng như em - cũng đem tổ quốc treo trên ngọn cờ - buồn buồn bày đặt làm thơ - vui vui thì lấy súng phơ một tràng…” [Phan Ni Tấn * Rừng Tâm Sự 5

Năm Lính]

Dẫu rằng vấn nạn ấy chỉ là mộng con hay loại "nhược đại mộng" của người lính xa nhà, trong đêm buồn tênh gối súng, nằm ngắm trăng sao, mây nổi rồi mơ ước cảnh đoàn viên:

"…Trước thượng đế hai đứa đồng cúi lạy - xin Hoa-Thương-Yêu nở khắp mọi nhà - ruộng đất không còn làm bãi tha ma - sắt thép loài người đem xây tổ ấm - dưới sương gió mây ngàn bên xóm vắng - riêng chúng mình tình tự ngắm trăng non - sớm sớm chiều chiều em sẽ dạy con - bài hát đầu tiên ngợi ca Tình-Ái." [Phan Bá Thụy Dương * Nói Với Người Mang Tên Một Loài Chim Mùa Xuân]

Đời sống của những người lính trận, vì thường xuyên phải đối diện với thần chết nên mỗi lần được nghĩ phép, dưỡng quân là cơ hội bằng vàng cho họ tìm gặp bằng hữu, anh em để cùng nhau ngã nghiêng, ngất ngây bên ly rượu, hầu tạm quên những giây phút ác liệt, nghẹt thở, bâng khuâng ngoài chốn tiền phương:
Nửa đêm như thể ngày xưa ấy. Mấy thằng trải chiếu dưới đêm trăng. Trăng sáng phơi trên hàng kẽm lạnh. Rồi chảy vào bát rượu bâng khuâng. Nửa đêm mấy đứa chưa buồn ngủ. Buồn ngủ làm sao, ta chiêm bao. Lính trận dưỡng quân nhờ tí tửu. Để mai nằm xuống hồn bay cao. Nửa đêm doanh trại đèn leo lét. Người lính canh ngồi như tượng đêm. Ma quỉ muốn chơi xin hoãn chiến. Để ta cùng đụng với anh em.

(Nửa Đêm Uống Rượu Với Bạn Bè, tr 149)

Cũng không ít anh em quân nhân quan niệm rằng: Đánh trận xong rồi thì ta đánh chén. Trong lúc rãnh rỗi, dưỡng quân thì ta đánh chén trước, rồi chờ ngày đánh trận sau. Lính và rượu. Rượu và lính cơ hồ như đôi tình nhân luôn luôn gắn bó mật thiết. Cho dù kẻ ấy là lính "tò te" mới ra "lò" hay là người đã dạn dày chiến trận, khí phách, coi thường sinh tử. Lời thơ trích dẫn dưới đây, tuy bộc lộ rõ nét ngang tàng, khoáng đạt ấy, nhưng dường như phần nào cũng mang mang ý niệm, tư tưởng hiện sinh. Bởi vì, như ai cũng biết, từ hạ bán thập niên 50 trở đi các tác phẩm hiện sinh, lãng mạn như " Bonjour Tristesse", "Dans Un Mois, Dans Un An", "Un Certaine Sourire"... của nữ văn sĩ Francoise Sagan đã ảnh hưởng khá sâu đậm như thế nào với xã hội, đặc biệt là với giới trí thức trẻ, miền Nam:

"...hãy cụng ly chết bỏ - tôm cua cá lươn sò - lương ta còn nguyên vẹn - còn cả cái Seiko - Cửu long giang ra biển - sẽ chẳng trở về đây - chiến tranh hề gặp gỡ - có chắc lần thứ hai - lai mỗi thằng mỗi ngã - thằng Cà Mâu Năm Căn - thằng Bình Dương, Bình Giã - thằng địa ngục thiên đàng - nhưng ta không sợ chết - (hơi ngán què đôi chân).

còn mày sao lại khóc - cứ cười lên đi con - ta anh hùng tứ xứ - há thua những bông hồng - nơi rừng U Minh Hạ - còn dám nở dưới bom - cứ cười như họng súng - bắn cuộc đời vỡ toang..."[Hà Thúc Sinh * Hành Quân Qua Bến Phà Mỹ Thuận

Gặp Bạn Đánh Chén, Say Mèm]

Dĩ nhiên bên cạnh đó còn có sự tác động mạnh mẽ hơn của các triết gia hiện sinh hàng đầu như S. Kierkegaard, JP Sartre, F. Nietzche, A. Camus... Có thể cũng với tâm trạng, khái niệm yêu cuồng sống vội, bất kể ngày mai ấy, cùng với sự cảm nhận về nỗi bấp bênh của mình trước đầu tên mủi đạn, nên tác giả Ô Cửa nghĩ rằng có thể ngày mai anh sẽ không còn cơ hội sinh tồn. Nên hôm nay có rượu thì chết bỏ, hãy cứ hăng hái tiếp nối cuộc vui "đưa cay" với bạn bè, ngay cả với linh hồn người khác địa đầu chiến tuyến:

Xin cô hàng thêm một két bia. Hôm nay lãnh lương tôi dành đãi hết. Cô hàng ơi một mai tôi chết. Ai tiêu dùm tôi ba tháng lương... Cô hàng ơi cho một ly không. Tôi rót mời một người lính Bắc. Hắn nằm băm thây dưới hầm bí mật. Trên người còn sót lại bài thơ. (Một Ngày Không Hành Quân, tr. 45)
4 câu thơ chót là 4 câu thơ đã nói lên đầy đủ tính chất nhân bản. Phải chăng đây là một tuyên ngôn? Tuyên ngôn về tình người - tình người không biên giới, tình chung giống nòi, huyết thống VN.

Làm lính trận miền cao là sống với rừng núi khô cằn, bụi mốc. Có mấy ai khi được nghỉ ngơi về với phố thị tránh khỏi sự rung động, khi nhìn những tà áo tha thướt, phất phơ bay bay trong gió của giai nhân, của em gái hậu phương:
Thành phố nọ trở về vui một bữa. Quán cà phê và bạn hữu

tao mày. Phố xanh hồng sáu chục cũng còn say. Huống bọn trẻ ở trên rừng vắng gái. Gác chân lên bàn đôi giày vạt đế. Cốc xây chừng ngầy ngậy giọt bơ thơm. Ánh mặt trời đọng lại trong ly con. Gió sông thổi tà áo màu tha thướt. Vỉa phố trời cho rộng vài ba thước. Đường phố không dài nên đi xuống đi lên. Muốn theo gót nàng nhưng không dám làm quen. Thôi chỉ biết ngồi lì mòn cả ghế. Để cố uống một lần mai từ giã. Những mái trường, những cửa tiệm, đám đông. Đàn bướm màu làm đẹp cả hoàng hôn. Để gìn giữ làm của thời tuổi trẻ. (Về Với Phố, tr 162)

3. Thân phận, kiếp sống gian lao và nỗi u hoài của người chiến binh sau ngày miền Nam bị nhuộm đỏ

Sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm và bào đệ của ông bị thảm sát do nhóm tướng lãnh chóp bu đảo chánh ngày 1/11/63, tình hình chính trị và an ninh miền Nam dần dần rơi vào trạng thái càng ngày càng bất an. Có phải cái chết của cụ Ngô như là hồi chuông báo tử trước cho Tổng Thống Kennedy và sự cáo chung của chế độ VNCH? Chỉ hơn một năm sau khi người Mỹ rút khỏi miền Nam, cắt đứt viện trợ, thì quân lực Cộng hoà càng lúc càng bị trói tay, thúc thủ, do thiếu quân cụ, nhiên liệu, đạn dược... Thêm vào đó là với lệnh buông súng “lạ lùng, khó hiểu” của tướng "big Minh" đã dễ dàng đưa toàn quốc rơi vào tay lực lượng xăm lăng CS.

Trước và sau ngày dâu biển đó, người ta truyền tụng khắp

nơi rằng không biết bao nhiêu quân nhân các cấp đã tự tuẫn tiết vì chẳng chịu đầu hàng. Đa số những người khác thì vì vướng bận thê nhi, cha mẹ... đã bị đưa vào các trại tập trung lao động, tẩy não, mà kẻ chiến thắng gọi là trại cải tạo, kể cả những viên chức dân sự. Bối cảnh náo loạn, bi đát của ngày tàn chiến cuộc ấy đã được thi sĩ Diên Nghị xúc cảm
ghi lại một cách sâu sắc:

"Tháng 4 - vợ ngóng chồng đầu ngõ. Nón sắt giày sô vất bỏ dọc đường. Mưa sớm khai mùa tuôn xối xả. Đất trời xúc động nỗi tai ương. Thương binh lê lết ra y viện. Tà quyệt nào tha phận tật nguyền. Đơn vị rã hàng tàn chinh chiến. Hỏi người nhân đạo với nhân danh. Có người lính trẻ không buông súng. Ngẩng mặt hiên ngang trước kẻ thù. Thà ngã dưới cờ tròn danh dự. Dày trang sử Việt sáng thiên thu".
[Diên Nghị * Tháng Tư]
Cũng như những quân cán chính khác, bạn tôi, một người vừa là người làm báo, vừa là một cưu quân nhân ngành quân báo đã lâm vào thế bị cưỡng bức tập trung. Anh cũng như nhiều người khác tin tưởng rằng chiến tranh đã kết thúc thì việc xách khăn gói đi trình diện học tập trong mười ngày, một tháng theo lệnh của ủy ban quân quản CS là một điều tất yếu, để sau đó mọi người trong nước cùng nhau nối vòng tay lớn xây dựng, hàn gắn lại quê hương. Nhưng tất cả những kỳ vọng ấy đã được trả bằng những sự đói rét, khổ nhục trường kỳ và những đòn thù khắc nghiệt:

“Heo hút đồi cao bụi phủ mờ - những thân còm cõi dáng chơ vơ - bốn vòng gai sắc như dao nhọn - đâm suốt hồn ai nhát hững hờ - đã mấy Mùa Xuân trong đớn đau - cao su vàng lá úa u sầu - bọn ta chung kiếp tù tăm tối - ngày tháng chừng trôi qua rất lâu...” [Vũ Uyên Giang * Bài Gửi Dương Hùng Cường]

Nếu không có sự tin tưởng này thì với lực lượng quân dân cán chính can trường, bất khuất bị lường gạt ấy sẽ ứng phó ra sao? Giới cầm quyền mới có dể dàng, yên ổn thu gọn cuộc chiến thắng mà họ đã luôn tự hào, rêu rao là thần thánh kia chăng? Việc CS dồn người, đem giam giữ vào các trại tập trung xa xôi, ngấm ngầm để các nơi, các cơ cấu phụ thuộc tổ chức đưa người vượt biên hoặc cho phép các cựu tù miền Nam sang Mỹ định cư chẳng phải là nhằm vào mục đích giải trừ, tránh đi hậu hoạn về những sự đối kháng, nổi dậy nguy hiểm hay sao? Hơn ai hết, nhóm đầu não lãnh đạo phương Bắc có thể tiên liệu, biết chắc chắn là mối họa này không thể không xảy ra?

Rồi con số người bị hành hạ, chết chóc trong các trại cải tạo mỗi ngày một gia tăng. Con số người dân tìm đường vượt thoát chế độ độc tài càng ngày càng nhiều, dù họ đều biết rằng mình có thể sẽ vùi thây trong lòng biển cả hay một xó rừng, góc núi nào đó. Còn những kẻ sau thời gian bị nhục hình trong các trại tập trung trở về, người thì bị đày lên vùng kinh tế mới, kẻ thì lâm vào cảnh "anh hùng lỡ vận lên nguồn đốt than", tìm trầm quế, "chém tre đẵn gỗ trên ngàn"... dọc

theo dãy Trường Sơn hay tiếp tục những gánh nặng oan khiên khác bằng nghề đẩy xe thồ, đạp xe xích lô... tự an ủi mình bằng ý nghĩ "không có nghề nào tồi tệ, xấu xa, chỉ có con người tồi tệ, xấu xa thôi" [7]. Những hình ảnh được trình dẫn dưới đây là một trong những minh chứng về chánh sách đọa đày, ngược đãi đối với những người cựu tù sống sót đã được họ tha, cho về từ những lò ô nhục mà ngôn ngữ kẻ chiến thắng gọi là trại cải tạo:

“Cõng con dắt vợ leo đồi - phá rừng làm rẫy cất chòi tịnh tâm - vợ con tắm vũng trâu nằm - lưng gùi tay rựa quanh năm cuốc cày - đầu trần chân đất hôm nay - mai sau rồi cũng bóng mây lưng đèo.” [Trần Văn Sơn * Tù Về, Lên Rừng Làm Rẫy]

Nơi các trại tù tập trung lao động cũng có nhiều người bất khuất, không chịu được sự ngược đãi đã liều mình bỏ trốn. Có nhiều người bị bắt lại, bị giết. Cũng có nhiều người vùi thây nơi vùng Việt Bắc, nơi rừng sâu nước độc, hoang dã đầy sương lam, chướng khí trên đường tìm về. Cũng có nhiều người vượt thoát sau bao đói khổ, truân chuyên được hội ngộ với gia đình. Nguyên Hoàng Bảo Việt là một trong số những người may mắn hiếm hoi đó. Anh là một trong những người đầu tiên đã chiếm giải Văn Chương Toàn Quốc trong thập niên 60. Hiện nay anh là nhân vật quan trọng trong Ủy Ban Bảo Vệ Nhân Quyền và trung tâm Văn Bút Âu Châu. Nhờ “Kẻ Sống Sót” này mà chúng ta có thể hình dung được thảm cảnh oan khiên của những người “ngã ngựa” phải chịu

đựng triền miên trong địa ngục trần gian. Trong một nơi cực khổ, đói lạnh dai dẳng, thiếu ánh sáng:

*"...Đêm đã xuống - Trên đường trốn về Nam - Tìm sao để định hướng - Con chim Việt còn nhớ cành - Sau lưng tôi - Bạn bè ở lại - Giữa trại tù tập trung - Nào ai biết - Dù màn sắt hay màn tre - Ngục hình của Cộng sản - Ngàn lần hơn Lao Bảo - Trăm lần hơn Côn Nôn - Luật rừng thời trung cổ - Khổ sai và tẩy não - Chung thân - Chết đói và tuyệt vọng - Muôn năm - Xích xiềng và liềm búa - Khua vang - Khua vang..." [*Nguyên Hoàng Bảo Việt * Kẻ Sống Sót]

Tác giả Ô Cửa thì may thay được cho về sớm để rồi bùi ngùi nhìn cảnh đổi thay, vợ con nheo nhóc. Người lính thám báo, người giáo sư yêu đời năm xưa đã mạnh dạn tìm phương tiện sinh nhai bằng một nghề mà người có học, kẻ sĩ trên khắp hoàn vũ nằm mơ, hoang tưởng mấy cũng không thể hình dung, ngờ được. Nhưng có lẽ nhờ tâm hồn nhạy cảm, dể rung động của thi nhân cùng với một nhân sinh quan cởi mở, nên có lúc THT cũng tìm thấy được phần nào nét trào phúng, ý nhị nhỏ nhoi, hài hòa trong công việc dãi dầu mưa nắng. Dẫu sao anh cũng còn cảm thấy được phần nào tự do, sung sướng hơn những năm bị lưu đày:

Ta trở về ôm những nhánh tang thương. Cúi đầu bước đi giữa lòng phố cũ. Con phố của ta ruột rà trăm ngõ. Sao bây giờ mỗi khúc mỗi đau. Ta đã trở về bốn năm phù du. Hồn hóa đá người thành dã thú. Ta dỗ dành ta tai trời ách nước. Thôi đã

hết rồi món nợ tiền khiên... Sau cuộc chiến tranh làm tên sống sót. Sau cuộc tội tù đi bán cà rem. Ta bán cà rem hề, ta bán cà rem. Lắc chiếc chuông đồng khua vang làng xã... Chiếc áo trận xanh xạm màu khói lửa. Chiếc mũ rơm đan vương miện tội tù. Ta qua những miền thiên cổ âm u. Ta đập vào thùng nghêu ngao ca hát. Ta bán cà rem hề, kem đường kem chảy. Thêm kem oan cừu chất ngất miền Nam. (Ta Bán Cà Rem Hề, tr.24)

Lời thơ tuy êm êm, lãng đãng như sương khói đầu cành, nhưng sao lại ẩn tiềm, phảng phất đâu đây một nỗi cay đắng tái tê. Những dòng thơ chuyên chở những sắc thái ý nhị này người đọc có thể phát hiện dễ dàng trong toàn tuyển tập Ô Cửa của anh, điển hình như: “Sợi Tóc Nhớ Nhung” (tr. 108), “Tôi Đã Về Em Ạ Đêm Nay” (tr. 165), “Xa lạ” (tr. 201), “Hoàng Hôn Trên Bản Địa” (tr. 313)...

Trận đánh nào rồi cũng đi vào quên lãng. Thời gian nhọc nhằn, tủi nhục nào rồi cũng chìm lắng, nhạt nhòa dần với thời gian. Kết cuộc có còn chăng là những nỗi niềm u uẩn, cay đắng khôn nguôi, những vết sẹo mãi mãi hằn in trên thân thể gầy mòn của người lính tiền sát bị thất trận oan ức:

Những mảnh đời như những cơn giông. Đã xé toạc cả tiếng đời tục lụy. Đã dữ dội như trăm ngàn tạc đạn. Đã rũ mềm lê lết cất không lên... Bụi thì mù, mây thì phủ tai ương. Con ngựa đứt dây, hí hoài trên núi. Bàn tay cắt vào mảnh chai tươm máu. Hồ trường này đây, đập cốc. Về đâu? Ta thì ngậm cả tang hồ rách nát...(Cuồng Ngâm Của Tên Thất Trận, tr

124)

và có còn chăng trong lòng, trong ký ức sâu kín là niềm kiêu hãnh, sự tưởng niệm mang mang, thấm thía:

May mà tôi vẫn còn một hoài niệm xanh. Dù chỉ là nỗi niềm tự hào buồn bã. Trên ngực lép vẫn còn chiến thương ngày cũ. Như đáp đền ân lượng của quê hương. (Niềm Kiêu Hãnh Buồn Bã, tr 233)

Người bạn đồng minh James M. Hopkins thuộc Sư Đoàn 1 BB - người đã từng dẫm chân trên các nẻo đường hành quân vùng Bình Dương, Tây Ninh, khu "tam giác sắt" cũng có chung một tâm trạng như "Đêm Mất Ngủ" của THT (trang 252). Nhưng trái với sự mong đợi. Khi anh và các chiến hữu trở về không may đã bị các lực lượng phản chiến hung hăng thời đó coi như những tội đồ, thậm chí là kẻ sát nhân. Do mặc cảm tội lỗi hay vì tâm trạng chua chát, tái tê trước phản ứng phủ phàng của dư luận mà bài thơ mang tựa "SONG" diễn tả về tâm trạng của người lính hồi hương này đã mang nặng màu sắc bi thảm, bi quan, chán chường, để rồi anh ta phải dấu kín tâm tư, không thổ lộ được cùng ai:

"...Người lính chiến không quên được. Có lẽ -trong nhiều năm- anh ta sẽ trăn trở trong mỏi mệt. Chờ đợi giấc ngủ, chẳng bao giờ đến. Không ai có thể thoát khỏi được. Những gì anh ta đã chứng kiến, và những sự việc anh ấy đã dự phần, đều bị chôn vùi trong những giấc mơ, trong thầm lặng

và câm nín…”[8]

Sao người ta lại nhìn tác động, hiệu quả của chiến trận dưới con mắt đạo đức để chỉ thấy mặt trái, đàng sau của tấm huy chương? Điều đó có oan ức cho những người vì nhiệm vụ phải thi hành trong lúc đối diện địch quân? Hơn nữa trong lúc chiến đấu, giết giặc - ít nhất, cũng để bảo toàn được mạng sống của mình, mà cũng bị xem là một hành vi tội lỗi, phi đạo đức được chăng và như vậy thì sự công bình đối với tha nhân ở đâu?

Những ray rứt về những ngày ngang dọc, gian truân xa xưa như cứ đeo đẳng, bám sát tâm trí người lính trận THT. Cho dù đến nay anh đã trở thành công dân của một quốc gia khác, mà quê hương yêu dấu cũ thì đã ngàn trùng cách ly. Nỗi hoài nhớ này được dàn trải qua 2 bài lục bát ngắn gọn dưới đây:

Bên kia lạnh nến hai hàng. Phố kia và những con đường lặng im. Nhà kia đóng cửa im lìm. Sao ta không đóng nỗi niềm muội mê. (“Hỏi lòng,” tr 256)
Tôi lạc rồi em biết không. Tôi đang quờ quạng giữa vùng mù sương. Cũng vì cái ngạnh cái ương. Ngỡ mình là lính tiền phương thuở nào. (Lạc Đường, tr257)

Dù tập thơ quá dày không thể giới thiệu thêm, nhưng người viết nhận thấy mình sẽ thiếu sót lớn nếu không đề cập đến bài thơ mang tựa của tuyển tập, mang linh hồn của cả 5 ấn

phẩm mà tác giả đã chọn, gom góp lại thành một kiệt tác:

Ngôi trường cũ có bao nhiêu ô cửa. Để tôi về đếm những đám mây bay. Tôi sẽ gọi một bầy chim sẻ nhỏ. Những con chim từng xa vắng lạc bầy. Tôi sẽ đứng như một người thiên cổ. Lớp học buồn như từ cõi cô đơn. Thầy ngồi đó đôi vai gầy tóc bạc. Chút ngậm ngùi cơn nắng đọng hoàng hôn... Tôi sẽ nhớ một người tôi yêu dấu. Người nào đâu về lại buổi hôm qua. Dấu chân nhỏ như vết hài vạn cổ. Đôi mắt nào theo mãi cuộc đời tôi... Và người ấy qua dòng sông sương muối. Tôi lên rừng theo dòng thác binh đao. Và người ấy theo sông về với biển. Tôi về Đông, về Bắc, biết về đâu? Trăng thiếu phụ tôi mang vào song cửa. Cho một lần, cho vô tận ý thiên thu. (Ô Cửa, tr 14)

Tôi đoan chắc những hoài niệm triền miên, những ray rứt về các mất mát trên với niềm kiêu hãnh buồn bã nọ sẽ mãi mãi vương vấn trong tâm hồn, ký ức của người thi sĩ đa cảm, đa tình này. Tuy phần lớn trong số 237 bài là thơ chiến tranh - trực hay gián tiếp, nhưng trong Ô Cửa cũng có nhiều bài thơ tình nồng nàn, rất đáng cho người đọc ngâm nga, thưởng ngoạn như: “Nha Trang” (tr. 30), “Con đường Trăng” (tr. 52), “Thơ của Văn” (tr. 62), “Dư niệm” (tr. 196), “Từ buổi ta về” (tr. 268), “Hẹn lòng” (tr.350)

4. Lời kết

Ai cũng biết con số người Việt Nam làm thơ chiến tranh không phải là ít. Nhưng theo tôi, THT là người đã sáng tác

nhiều nhất Trong nhiều tác phẩm mà tôi có trong tay do anh gởi tặng, tôi thấy hầu như bài nào, cuốn sách nào, anh cũng vẽ cho người đọc thấy những hình ảnh linh hoạt, bi hùng của những người lính chiến như anh, sự thống khổ của đồng bào mà anh và những chiến hữu khác thuộc quân lực miền Nam có nhiệm vụ bảo vệ, che chở bằng tất cả nhiệt tình, nhiệt huyết.
Ô Cửa là một tuyển tập thi ca có tầm vóc lớn. THT lại biết tự chọn cho mình một hướng đi, một bản sắc riêng về thi loại, đề tài: chuyên biệt về Chiến Tranh. Thơ anh được cấu tạo bằng những thi ngữ, ngôn từ qui ước bình dị, chân phương. Nhưng bằng những cảm xúc nồng ấm, cùng lối kết từ điêu luyện, nên Ô Cửa dễ dàng lôi cuốn người đọc vào những tình tự tan hợp, những biến động tràn ngập máu lửa, khói súng trong thời loạn lạc đã qua, mà anh là một nhân chứng sống. Chất liệu nòng cốt trong thơ anh là tình nghĩa, dành cho đồng đội, tình yêu thương, trìu mến dành cho người tình, cho những người dân lành ở khắp các làng mạc, thị trấn lẻ, mà gót chân anh đã từng in dấu.

Thơ chiến tranh là một thi loại đặc thù, khó gây được sự rung cảm sâu xa trong tâm hồn người đọc. Nhưng nhờ sự biết phối hợp, hài hòa các thi ảnh, thi ngữ vào tác phẩm đúng mức nên thơ của anh trở nên dịu vợi hơn và dễ thẩm thấu vào nội tâm người thưởng ngoạn. Ô Cửa xứng đáng là một tập thơ có giá trị cao, hiếm hoi trong nền văn học hiện đại.

¤**Vài nét về Trần Hoài Thư**.

THT là một người có lòng với nền văn học miền Nam. Từ khi định cự tại một tiểu thuộc miền Đông Hoa kỳ đến nay anh đã lặn lội đi các thư viện lớn để suy tầm tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ cũ để in ấn lại và lưu truyền ở hải ngoại bằng phương tiện thô sơ khiêm tốn qua Thư Ấn Quán của mình.

Ngoài ra anh và một số thân hữu còn chủ trương tập san Thư Quán Bản Thảo cứ ba rồi bây giờ là 2 tháng một lần - từ nhiều năm nay, để đăng tải các tác phẩm của bằng hữu. Đặc biệt là của những cây bút còn ở tại miền Nam VN. Tập san này không bán mà chỉ biếu tặng theo yêu cầu của những người mến mộ các văn thi sĩ cũ trước tháng 4 năm 1975.

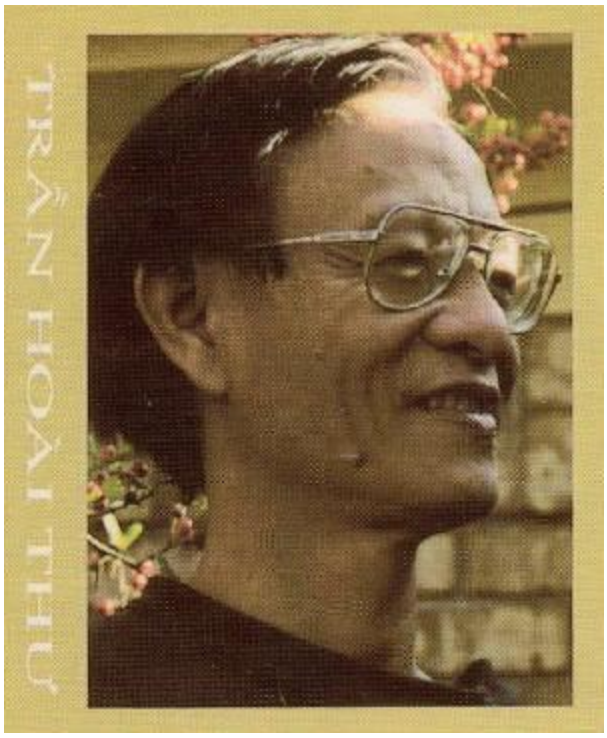

Trần Hoài Thư tên thật Trần Quý Sách, sinh ngày 6.12.1942 tại Đà Lạt. Anh khởi viết năm 1960 và nguyên là cựu sĩ quan VNCH ngành Thám báo. Tốt nghiệp cao học toán tại Hoa kỳ. Cựu chuyên viên điện toán của công ty điện thoại AT&T. Hiện hồi hưu và an cư tại tiểu bang New Jersey.

Một số tác phẩm tiêu biểu đã xuất bản:
Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang (Ý Thức)
Những Vì Sao Vĩnh Biệt (Ý Thức)
Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi (Ý Thức)
Một Nỏi Nào Để Nhớ (Con Đuông)
Ra Biển Gọi Thầm (1995)

Ban Mê Thuộc Ngày Đầu Ngày Cuối (1997)
Về Hướng Mặt Trời Lặn (1998)
Thơ Trần Hoài Thư (1998)
Mặc Niệm Chiến Tranh - Ô Cửa (2006)...

PHAN BÁ THỤY DƯƠNG - 5/2010.

• ***trích thơ của các tác giả:***

Anh Thuần, Diên Nghị, Hà Thúc Sinh, Linh Phương, Hoàng Lộc, Huy Lực, Luân Hoán, Nguyên Hoàng Bảo Việt, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Mạnh Trinh, PBTD, Phan Ni Tấn, Phan Xuân Sinh, Tô Thùy Yên, Trần Tuấn Kiệt, Trần Văn Sơn, Vũ Uyên Giang.

•tạm dịch từ nguyên bản:

[1] Herbert Hoover: The old men declare war. But it is the youth who must fight and die.
[2] Ernest Hemingway: They wrote in the old days that is sweet and fitting to die for one's country. But in the modern war, there is nothing sweet nor fitting in your dying. You will die like a dog for no good reason.
[3] Winston Churchill: Attitude is a little thing that makes a big differences. It costs nothing to be polite.
[4] Marko Whiteley: Right onto the ambush the fighting is fierce. The wildness is gone the glint in the eyes. For now it

is you not just them to die. Through the blackness of the deeping night. The wounded scream the rest to fight. The mind starts to scream a terrible warning.

[5] Guy L. Jones: As the sun sets in the darken sky. I hear the voices of those who march off to the distant and calling one to another. I hear them say do not weep for us for our pain is over with now and we go to our God in peace. As the sun passes over the horizon, the image of these marching men pass from the light of my eyes but not the words they said, which I hold onto and the memory of each and very one of them. I whisper back to them I'll pass on your words to all who hear them from me. This I promise to all of you as long as I live. Farewell my friends, farewell.

[6] Blaise Pascal: L'homme est un roseau, le plus faible de la nature, mais un roseau pensant.

[7] Winona Ryder: il n'y a pas de sot métier, il n'y a que de sottes gens.

[8] James M. Hopkins: The combat soldier, do not forget who (for perhaps years) will toss sweat, waiting for sleep, that won't come. No one escapes. What his eyes have seen, and the things he has been, are buried in dreams, mute and dumb.

Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Tác giả/ VNthuquan - Thư viện Online
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 27 tháng 6 năm 2010